

Hòa nhập xã hội của lao động nhập cư nghèo tại các đô thị Việt Nam: phân tích từ góc độ mạng lưới xã hội

Phạm Văn Quyết*, Trần Văn Kham

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội

Ngày nhận bài 13.8.2015, ngày chuyển phản biện 17.8.2015, ngày nhận phản biện 15.9.2015, ngày chấp nhận đăng 21.9.2015

Trong nhiều nghiên cứu về hòa nhập xã hội, mạng lưới xã hội luôn được xem xét như một thành tố nhiều ý nghĩa và không thể thiếu. Để xem xét hòa nhập xã hội của nhóm lao động nhập cư nghèo tại các đô thị Việt Nam hiện nay, nghiên cứu đã tiến hành phân tích nhằm làm rõ việc sử dụng các mô hình mạng lưới xã hội của nhóm lao động này trong một số lĩnh vực hoạt động sống cơ bản, như tìm kiếm việc làm, sinh hoạt giao tiếp hàng ngày, giải quyết các khó khăn gặp phải và trong các hoạt động khi có thời gian nhàn rỗi. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm về việc sử dụng các kiểu mạng lưới xã hội cho thấy những khó khăn, trở ngại mà nhóm lao động nhập cư nghèo gặp phải trong quá trình hòa nhập vào cuộc sống mới tại các đô thị Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: hòa nhập xã hội, lao động nhập cư nghèo, mạng lưới xã hội.

Chỉ số phân loại 5.4

Social inclusion of the poor migrant workers in Vietnamese urbans: a social network based analysis

Summary

In recent researches on social inclusion, the factor of social network is significant and being included in almost researches. On looking and analyzing the social inclusion of the poor migrant workers in the urbans in contemporary life of Vietnam, this research analyzed the ways in which the migrants applied the social networks in their life experiences such as looking for job, daily communication, in their problem solving, and free activities. Findings from the experiment on social network usage showed that there were existences of barriers for the migrants on their inclusion into the new life in Vietnamese urbans contemporarily.

Keywords: poor migrant worker, social inclusion, social network.

Classification number 5.4

Dẫn nhập

Tốc độ đô thị hóa nhanh chóng của Việt Nam trong hơn hai thập kỷ qua đã làm mạnh lên dòng di cư từ nông thôn ra đô thị, trong đó có dòng di cư của người lao động từ các vùng nông thôn ra hai đô thị lớn của đất nước. Kèm theo dòng di cư này là hàng loạt vấn đề xã hội nảy sinh trong đời sống đô thị và ngay với chính người nhập cư, nổi bật là vấn đề hòa nhập của người di cư vào đời sống đô thị.

Một số nghiên cứu ở Việt Nam thời gian qua cũng đã đề cập đến vấn đề hòa nhập xã hội của người di cư, có thể kể đến như là: nghiên cứu về các vấn đề xã hội, vấn đề quản lý di dân và xây dựng các mô hình dịch vụ cho người di cư lao động ở các đô thị của Đặng Nguyên Anh (1999), Lê Bạch Dương và Nguyễn Thanh Liêm (2011), Trần Xuân Cầu (2007); nghiên cứu về sự tham gia xã hội của lao động nhập cư nghèo của Phạm Văn Quyết và Trần Văn Kham (2015)... Nhìn chung, các nghiên cứu gần đây của Việt Nam đã nhìn nhận vấn đề lao động nhập cư tại các đô thị ở nhiều góc độ: vai trò của hoạt động này đối với sự phát triển xã hội, các vấn đề xã hội, các vấn đề quản lý, các chính sách, các dịch vụ xã hội cần cho người di cư. Bài viết này tập trung phân tích sâu về vấn đề hòa nhập xã hội dưới góc nhìn của mạng lưới xã hội ở lao động nhập cư nghèo, một vấn đề dường như còn thiếu vắng trong các nghiên cứu đã có, với mong muốn cung cấp những chứng cứ khoa học cho các chính sách thúc đẩy quá trình hoà nhập của lao động nhập cư nghèo ở môi trường sống mới.

*Tác giả liên hệ: Email: quyetpv@vnu.edu.vn

Nghiên cứu được phân tích trên quan điểm lý thuyết về hoà nhập xã hội trong những nghiên cứu về di cư, tạo dựng các mô hình trợ giúp xã hội cho những đối tượng yếu thế trong quá trình hòa nhập xã hội. Hoà nhập xã hội là một chủ đích xã hội mà ở đó mọi cá nhân được tham gia vào các hoạt động chung của xã hội, được thể hiện vai trò, tiếng nói và sự ảnh hưởng của cá nhân, cũng như phát huy được cái chung của xã hội [1]. Hòa nhập xã hội của nhóm lao động nhập cư không những giúp đảm bảo về quyền sống, cư trú và sự bình đẳng xã hội, mà còn tạo các điều kiện thuận lợi cho sinh kế và sự phát triển của họ, hướng đến duy trì ổn định đời sống đô thị và trật tự xã hội.

Theo hướng tiếp cận đa chiều, hoà nhập xã hội như một định hướng nghiên cứu nhằm tạo dựng sự phát triển bền vững của xã hội, không chỉ được nhìn ở góc độ hòa nhập về kinh tế như thu nhập, việc làm mà còn cả ở các chiều cạnh khác như sự tham gia xã hội, mạng lưới xã hội (vốn xã hội) và các dịch vụ xã hội... Vì thế, nghiên cứu đánh giá về hòa nhập xã hội của lao động nhập cư nghèo không thể không đề cập đến mạng lưới xã hội của họ trong đời sống tại các đô thị. Mạng lưới xã hội là một chiều cạnh không thể thiếu trong các nghiên cứu đánh giá về hòa nhập xã hội [2, 3].

Nhiều tác giả khi nghiên cứu về vốn xã hội đã đề cập đến mạng lưới xã hội: Bourdieu cho rằng, vốn xã hội là tập hợp những nguồn lực thực tế gắn liền với việc nắm giữ một mạng lưới bền vững gồm các mối quan hệ quen biết và thừa nhận lẫn nhau [4]; Kollmair M và St Gamper (2002) xác định, “vốn xã hội được sử dụng như mạng lưới và sự kết nối... và khả năng hợp tác giữa các thành viên trong các nhóm chính thức” [5]. Theo đó, khi nói về mạng lưới xã hội là đề cập đến vốn xã hội, đồng thời cũng là sự tương tác và quan hệ xã hội giữa các cá nhân. Trong nghiên cứu này, mạng lưới xã hội được xem xét như tập hợp các mối quan hệ xã hội do con người tạo nên và duy trì trong cuộc sống của mình. Nó gồm tập hợp các quan hệ từ quan hệ gia đình, họ hàng, bạn bè đến các quan hệ trong tổ chức, đoàn thể, hiệp hội... Lê Ngọc Hùng (2008) đã chia ra 3 mô hình mạng lưới xã hội: mô hình kiểu truyền thống đặc trưng bởi các quan hệ gia đình, họ tộc, người thân quen; mô hình kiểu hiện đại đặc trưng với mối quan hệ chức năng của cá nhân trong tổ chức và thiết chế chính thức; mô hình kiểu hỗn hợp là sự kết hợp của 2 mô hình trên [4].

Lao động nhập cư nghèo là nhóm người lao động di cư từ nông thôn ra đô thị với động cơ chủ yếu là “kiếm

sống”. Sự nghèo khó của họ được xác định một cách tương đối so với nhóm lao động nhập cư nói chung. Đặc trưng cơ bản của họ là lao động giản đơn, không tay nghề hoặc mới học nghề, thu nhập thấp, hầu hết không hộ khẩu ở thành phố, thiếu các điều kiện về sinh hoạt, nhà ở, tiện nghi và các dịch vụ xã hội; họ hoàn toàn xa lạ với tâm lý, lối sống, văn hóa và cách ứng xử ở đô thị... Trong đời sống cộng đồng cư dân đô thị, họ trở nên dễ bị tổn thương. Đó cũng chính là cơ sở tạo nên những điểm đặc trưng trong mạng lưới xã hội của họ, ảnh hưởng rất nhiều đến quá trình hòa nhập xã hội của họ với môi trường sống và làm việc tại các đô thị.

Cơ sở dữ liệu thực nghiệm chủ yếu cho phân tích các vấn đề liên quan trong nghiên cứu là kết quả điều tra hơn 1.000 lao động nghèo nhập cư vào Hà Nội và TP Hồ Chí Minh trong thời gian gần đây. Đây cũng là một phần của đề tài nghiên cứu do Nafosted tài trợ “Các quan điểm lý thuyết về hòa nhập xã hội và hòa nhập xã hội của nhóm lao động nghèo nhập cư vào các đô thị nước ta trong quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa” do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội chủ trì thực hiện giai đoạn 2014-2015.

Bảng 1: một số đặc trưng cơ bản của mẫu điều tra định lượng

Các đặc trưng		Hà Nội	TP Hồ Chí Minh	Chung
Số lượng người được khảo sát (người)		644	398	1.042
Giới tính (%)	Nam	45,7	38,8	51,4
	Nữ	54,3	61,2	48,6
Tình trạng hôn nhân (%)	Chưa vợ/chồng	47,3	16,0	35,7
	Có vợ/chồng	51,2	77,3	60,8
	Ly hôn/ly thân	0,6	4,8	2,2
	Goá	0,9	1,9	1,3
Độ tuổi trung bình		30,35	36,68	32,79

Kết quả nghiên cứu

Mạng lưới xã hội trong tìm kiếm việc làm

Việc làm, tìm kiếm việc làm và thu nhập luôn đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với lao động nhập cư nghèo tại các đô thị. Đó là những yếu tố đầu tiên, đồng thời cũng là những thước đo không thể thiếu trong các nghiên cứu về hòa nhập xã hội của bất kỳ nhóm lao động di cư nào. Trong nghiên cứu về mạng lưới tìm kiếm việc làm của sinh viên trong thời kỳ đổi mới, Lê Ngọc Hùng (2003) đã cho rằng, do sinh viên có ý thức trong việc phát triển vốn con người, tức là học tập để có tri thức, năng lực chuyên môn nghề nghiệp đồng thời phát triển vốn xã hội, nên họ có xu hướng sử dụng mạng lưới xã hội kiểu hỗn hợp để tìm kiếm việc làm [6]. Khác với nhóm sinh viên, nhóm lao động nhập cư nghèo tại các đô thị ít chú ý đến phát triển vốn con

người và vốn xã hội hạn chế nên mô hình mạng lưới xã hội trong tìm kiếm việc làm của họ, nghiêng hẳn về mô hình truyền thống (xem bảng 2).

Bảng 2: các mối quan hệ giúp cho người nhập cư nghèo tìm được việc làm hiện tại

TT	Các mối quan hệ	Tỷ lệ %
1	Tự tìm kiếm	67,3
2	Anh em, họ hàng, người thân	19,4
3	Người cùng làng quê	8,5
4	Người cùng làm, cùng trọ	3,6
5	Phương tiện truyền thông: đài, báo, ti vi...	2,6
6	Trung tâm giới thiệu việc làm	2,1
7	Chủ nhà thuê trọ	1,2
8	Người dân sở tại	1,2
9	Người môi giới việc làm	1,0
10	Chính quyền và các đoàn thể địa phương sở tại	0,2
11	Người khác	0,2

Nếu khảo sát hướng đến việc làm của lao động nhập cư ở thời điểm họ mới di cư đến thành phố thì chắc chắn khả năng tự tìm kiếm việc làm sẽ thấp hơn nhiều. Tuy nhiên, sau thời gian đầu bỡ ngỡ khi mới chuyển đến thành phố, phần đông lao động nhập cư đã đổi việc, sau khi cố gắng tự tìm cho mình một công việc phù hợp hơn. Mặc dù khảo sát của chúng tôi chỉ nhằm đến số lao động nhập cư trong khoảng thời gian gần đây, song nghiên cứu đã cho thấy, trung bình mỗi lao động nhập cư nghèo cũng đã có ít nhất 1,1 lần chuyển công việc. Vì vậy, theo số liệu ở bảng 2, số đông lao động nhập cư nghèo đã hướng tới phương án tự tìm kiếm việc làm. Không phụ thuộc vào điều đó, các số liệu trên đã cho thấy số lao động nhập cư sử dụng mạng lưới xã hội kiểu hiện đại như qua trung tâm giới thiệu việc làm, qua chính quyền đoàn thể địa phương và ngay cả với các phương tiện truyền thông như báo chí là rất ít (chỉ chiếm gần 5% số người trả lời). Phần lớn các công việc mà lao động nhập cư hiện đang làm được tìm kiếm bởi chính bản thân họ với sự giúp đỡ của anh em, họ hàng, người thân, người cùng làng quê, chủ nhà ở và người cùng làm, cùng trọ...

Như vậy, với nhóm lao động nghèo nhập cư vào các thành phố Việt Nam hiện nay, về cơ bản họ chỉ sử dụng mạng lưới xã hội kiểu truyền thống trong tìm kiếm việc làm mà rất ít sử dụng mạng lưới xã hội kiểu hiện đại. Bên cạnh những hạn chế do đặc trưng của nhóm thì với việc chỉ sử dụng các mối quan hệ hạn hẹp trong mạng lưới xã hội kiểu truyền thống, người

lao động nhập cư nghèo khó có thể tìm kiếm được việc làm có thu nhập tốt. Có thể nói từ góc độ lao động, việc làm, đây là một trở ngại lớn cho quá trình hòa nhập của họ vào cuộc sống đô thị hiện đại.

Mạng lưới xã hội trong giao tiếp thăm hỏi hàng ngày

Sử dụng mạng lưới xã hội trong quan hệ giao tiếp hàng ngày cũng là một chỉ báo quan trọng cho đánh giá mức độ hòa nhập cộng đồng của lao động nhập cư. Nó cho thấy mức độ tham gia vào các mối quan hệ xã hội thường nhật, cụ thể của các cá nhân và nhóm. Chính các mối quan hệ đó chỉ ra rằng, cá nhân, nhóm đó đã “xâm nhập” và được “tiếp nhận” từ cộng đồng đó ở mức nào. Trong nghiên cứu này, chúng tôi xác định mức độ sử dụng các mối quan hệ cụ thể của lao động nhập cư qua việc thường xuyên thăm viếng (đi thăm và được thăm) các cá nhân, các tổ chức trong đời sống đô thị. Các mối quan hệ cụ thể/các biến số đó được đo lường bởi thang Likert 4 mức độ, trong đó mức độ 1 tương ứng với mức không bao giờ đi thăm và được thăm (mối quan hệ gần như bằng 0) và mức độ 4 tương ứng với mức thăm viếng thường xuyên nhất (mối quan hệ là tốt nhất). Kết quả nghiên cứu được tính bằng giá trị trung bình chung các ý kiến của lao động nhập cư nghèo về mức độ thường xuyên thăm viếng ở nhóm lao động này được thể hiện tại bảng 3.

Bảng 3: mức độ thường xuyên đi thăm hỏi và được thăm hỏi của lao động nhập cư

TT	Các mối quan hệ	Giá trị trung bình chung	
		Đi thăm	Được thăm
1	Người cùng xóm trọ	2,98	2,95
2	Người cùng làm	2,76	2,69
3	Người cùng làng quê	2,49	2,48
4	Bạn bè thân quen ở thành phố	2,48	2,45
5	Người họ hàng ở thành phố	2,39	2,37
6	Người dân sở tại	2,19	2,15
7	Đoàn thể địa phương	1,78	1,87
8	Đại diện chính quyền sở tại	1,77	1,85

Từ giá trị trung bình chung trong bảng 3, chúng ta thấy, lao động nhập cư nghèo đi thăm những người cùng xóm trọ thường xuyên hơn, tiếp đó là người cùng làm, người cùng làng quê, bạn bè ở thành phố... trong khi, mức độ đi thăm đại diện chính quyền địa phương, hay các tổ chức đoàn thể gần như ở mức không bao giờ. Tương tự, đối với việc được thăm hỏi, người cùng xóm trọ cũng có xu hướng thăm người lao động nhập

cur nghèo ở mức thường xuyên nhất. Nhóm đối tượng người cùng làm, người cùng quê, bạn bè thân quen, họ hàng cũng đến thăm người nhập cư ở mức thường xuyên ít hơn. Trong khi nhóm đại diện chính quyền sở tại, đoàn thể địa phương cũng rất hiếm khi đến thăm người lao động nhập cư. Việc đi thăm có xu hướng tích cực hơn so với việc được thăm ở hầu hết các biến số, trừ các biến số liên quan đến đại diện chính quyền sở tại.

Như vậy, ở góc độ giao tiếp hàng ngày, mối quan hệ của lao động nhập cư nghèo với những người cùng xóm trọ, cùng làm việc, cùng quê... ở mức độ khả quan nhất, còn ở mức độ yếu nhất là mối quan hệ giữa lao động nhập cư nghèo với đại diện chính quyền địa phương hay các tổ chức đoàn thể.

Thực hiện phân tích nhân tố, các biến số trên được chia thành 2 nhóm nhân tố: nhóm thứ nhất gồm các biến số theo thứ tự từ 1 đến 6 gắn với các quan hệ cá nhân, bạn bè, thân quen, họ hàng và có thể tạm coi là mạng lưới xã hội kiểu truyền thống; nhóm thứ 2 gồm các biến số thứ 7 và thứ 8 gắn với các quan hệ có tính thiết chế, có thể coi là mạng lưới xã hội kiểu hiện đại. Giá trị trung bình chung của mức độ đi thăm và được thăm ở nhóm thứ nhất lần lượt là 2,53 và 2,51, ở nhóm thứ 2 là 1,77 và 1,86 cho thấy tính trội hơn của mạng lưới xã hội kiểu truyền thống trong quan hệ giao tiếp hàng ngày của nhóm lao động này. Trong khi đó, mạng lưới xã hội kiểu truyền thống thường hướng người nhập cư đến lối sống co cụm, ít hòa nhập, còn mạng lưới xã hội kiểu hiện đại lại có khả năng trợ giúp nhiều hơn cho sự hội nhập của họ.

Kết quả giá trị trung bình chung của từng nhóm nhân tố cũng cho thấy, đại diện chính quyền, đoàn thể địa phương rất ít khi thăm hỏi người nhập cư và ngược lại người nhập cư thích thăm hỏi bạn bè là những người nhập cư khác hơn. Đây chính là một nhân tố có thể tạo rào cản lớn đối với quá trình hoà nhập của lao động nhập cư nghèo vào các hoạt động, các mối quan hệ chung của đời sống ở đô thị.

Mạng lưới xã hội cho sự nhờ cậy, giúp đỡ khi gặp khó khăn

Nhiều nghiên cứu về di cư đã chỉ ra rằng, người di cư trong quá trình hòa nhập vào môi trường sống mới thường gặp những khó khăn nhất định ở nhiều khía cạnh cả trong đời sống vật chất lẫn tinh thần... Với những khó khăn như vậy, họ sẽ dựa vào ai, mối quan hệ nào trong mạng lưới xã hội hiện có để giải quyết.

Khi người nhập cư nhờ cậy vào mối quan hệ nào đó để giải quyết các khó khăn thì rõ ràng đó là mối quan hệ chặt chẽ, được tin cậy. Đặng Nguyên Anh (1998) trong nghiên cứu về vai trò của mạng lưới xã hội đối với quá trình di cư đã chỉ ra rằng, có tới hơn 75,0% số người di cư được khảo sát cho biết, họ có họ hàng, người thân, bạn bè sinh sống tại nơi chuyển đến và những người thân đó là những đầu mối của thông tin và nguồn hỗ trợ kinh tế - xã hội đối với người di cư [7].

Trong nghiên cứu này, chúng tôi cố gắng chỉ ra những mối quan hệ xã hội cụ thể mà người lao động nhập cư nghèo đã và đang dựa vào để nhờ cậy. Các mối quan hệ/các biến số từ khía cạnh này được đề cập từ những khía cạnh tự cá nhân (tự thân) người nhập cư thực hiện, đến việc nhờ cậy mối quan hệ với người thân, chính quyền, đoàn thể địa phương. Các biến số này cũng được đo lường qua thang đo Likert 4 mức độ, trong đó mức 1 tương ứng với không bao giờ thực hiện và mức 4 rất thường xuyên thực hiện. Theo đó, nếu giá trị trung bình của các ý kiến càng lớn gần đến 4 thì mức độ nhờ cậy các mối quan hệ đó càng thường xuyên hơn.

Kết quả khảo sát các cách thức giải quyết những khó khăn mà người di cư gặp phải trong môi trường sống mới được thể hiện qua bảng 4 về giá trị trung bình của các ý kiến theo 4 mức độ của thang đo.

Bảng 4: các mối quan hệ được lao động nhập cư nghèo nhờ cậy khi gặp khó khăn

TT	Các mối quan hệ cần nhờ cậy	Giá trị trung bình
1	Cố gắng tự giải quyết (tự thân)	3,70
2	Nhờ sự giúp đỡ của người cùng làm, cùng trọ	2,45
3	Gọi điện nhờ cậy người thân/bạn bè đang sống ở quê	2,32
4	Nhờ sự giúp đỡ của người thân đang sống ở thành phố	2,20
5	Nhờ sự giúp đỡ của người cùng làng quê	2,10
6	Nhờ sự giúp đỡ của người dân sở tại	1,95
7	Nhờ sự giúp đỡ của chính quyền nơi đang sinh sống	1,76
8	Nhờ sự giúp đỡ của đoàn thể/cơ quan ở nơi sống/làm việc	1,77
9	Đối tượng khác	1,50

Kết quả thu được cho thấy, cách thức mà lao động nhập cư giải quyết những khó khăn gặp phải trong cuộc sống theo hướng tự giải quyết là chính (ở mức rất thường xuyên thực hiện), tiếp đó là trông cậy vào các mối quan hệ với những người bạn cùng làm việc và cùng trong xóm trọ, sau nữa là mối quan hệ với người

thân, bạn bè ở quê hoặc cùng quê song hiện đang sống ở thành phố, rồi mới nhờ đến mối quan hệ với chính quyền, đoàn thể địa phương, cơ quan đang làm việc. Đa phần các đánh giá về việc nhờ cậy sự giúp đỡ của mối quan hệ với chính quyền địa phương, với các tổ chức đoàn thể ở mức rất thấp, dường như gần với giá trị rất hiếm hoặc không bao giờ.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy xu hướng lao động nhập cư nghèo trông cậy và tin tưởng vào các mối quan hệ với nhóm xã hội là người thân, họ hàng, bạn bè, đồng hương hay cùng là lao động nhập cư, hoặc chủ yếu tự bản thân mình trong việc giải quyết những vấn đề khó khăn của cuộc sống nhiều hơn việc nhờ cậy và tin tưởng vào chính quyền, tổ chức đoàn thể địa phương hoặc cơ quan nơi làm việc. Như vậy, mạng lưới xã hội mà lao động nhập cư nghèo sử dụng và nhờ cậy để giải quyết khó khăn gặp phải cũng trội hơn so với mô hình theo kiểu truyền thống.

Những kết quả phân tích các biến số của chỉ báo này không chỉ cho chúng ta thêm bằng chứng để khẳng định về những hạn hẹp trong mạng lưới xã hội của người nhập cư, mà còn cho thấy sự nhờ cậy, niềm tin vào các mối quan hệ có tính “chính thức” như với chính quyền, đoàn thể ở địa phương nơi sinh sống, làm việc là thấp, thậm chí là rất thấp. Thiếu đi sự ủng hộ và giúp đỡ này càng làm cho cuộc mưu sinh của lao động nhập cư nghèo ở thành phố và quá trình hòa nhập cộng đồng của họ thêm nhiều khó khăn, trở ngại.

Sử dụng mạng lưới xã hội trong thời gian nhàn rỗi

Để đánh giá về hòa nhập xã hội của lao động nhập cư, bên cạnh việc phân tích mạng lưới xã hội mà lao động nhập cư sử dụng trong tìm kiếm việc làm, trong đời sống giao tiếp hàng ngày và trong việc giải quyết các khó khăn gặp phải sẽ trở nên đầy đủ và chặt chẽ hơn khi phân tích chỉ báo về việc sử dụng mạng lưới xã hội của họ trong thời gian nhàn rỗi. Sự tham gia của lao động nhập cư nghèo vào các quan hệ xã hội trong thời gian nhàn rỗi được thể hiện qua 8 mối quan hệ cụ thể và các mô hình giải trí. Tương tự như nghiên cứu với các chỉ báo đã phân tích, 8 biến số này cũng được đo lường theo thang đo Likert 4 mức độ, tương ứng với mức ý nghĩa từ không bao giờ (mức độ 1) đến rất thường xuyên (mức độ 4). Điều đó có nghĩa là, giá trị trung bình của biến số nào càng gần mức độ 4 thì quan hệ của lao động nhập cư trong trường hợp đó càng mạnh hơn.

Bảng 5: mạng lưới xã hội được người nhập cư nghèo sử dụng trong thời gian rỗi

TT	Các mối quan hệ/mô hình giải trí	Giá trị trung bình	
		Theo các quan hệ cụ thể	Theo nhóm các quan hệ
1	Ngủ, nghỉ ngơi (quan hệ tự thân)	3,61	2,83
2	Tán gẫu với bạn bè	2,87	
3	Về quê với gia đình, người thân	2,80	
4	Thăm bạn bè, người thân tại thành phố	2,63	
5	Tập trung nấu nướng ăn uống, nhậu	2,22	
6	Xem ti vi	3,24	2,46
7	Đọc sách báo	2,60	
8	Ra quán Internet	1,56	

Số liệu từ bảng 5 cho thấy, người lao động nhập cư nghèo thường làm khi có thời gian rảnh rỗi là ngủ, nghỉ ngơi và xem tivi. Hoạt động trong một số quan hệ ít thường xuyên hơn là về quê với người thân, tán gẫu với bạn bè, thăm bạn bè, người thân, đọc sách báo. Các hoạt động như tập trung nấu ăn, nhậu, đi thăm phố xá, đi lễ, đi cà phê, quán xá được người di cư thực hiện ở mức thỉnh thoảng. Hoạt động ra quán Internet được người di cư đánh giá ở mức thấp nhất. Có thể thấy, những hoạt động trong các quan hệ mà người dân thành phố thường thực hiện trong thời gian rảnh rỗi, thì người nhập cư rất ít thực hiện. Kết quả trên không những cho chúng ta thấy tính cá nhân, co cụm khép kín trong nhóm nhỏ của các quan hệ ở người nhập cư trong thời gian rỗi, mà còn nói lên được phần nào về sự hạn hẹp, nghèo nàn trong đời sống tinh thần của lao động nhập cư nghèo.

Tiến hành phân tích nhân tố, các quan hệ cụ thể trên được chia thành 2 nhóm nhân tố: nhóm thứ nhất là hoạt động theo thứ tự từ 1 đến 5, gắn với hoạt động trong các quan hệ cá nhân, bạn bè, thân quen và có thể xem là mạng lưới xã hội kiểu truyền thống và nhóm thứ 2 gồm hoạt động thứ 6 đến thứ 8 gắn với hoạt động trong các quan hệ với phương tiện truyền thông, có tính thiết chế, có thể coi là mạng lưới xã hội kiểu hiện đại. Giá trị trung bình chung ở nhóm thứ nhất là 2,83 và ở nhóm thứ 2 là 2,46 cho thấy, với hoạt động trong thời gian nhàn rỗi, mạng lưới xã hội kiểu hiện đại đã được nhóm lao động này sử dụng, song mạng lưới kiểu truyền thống vẫn có xu hướng được sử dụng trội hơn.

Kết luận và khuyến nghị

Kết luận

Nghiên cứu về quá trình hòa nhập xã hội của lao động nhập cư nghèo vào đời sống đô thị Việt Nam hiện nay qua khảo sát và phân tích mạng lưới xã hội của họ

trong đời sống đô thị tại 2 thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh, chúng ta có thể đưa ra một số nhận định chủ yếu sau:

Trong tìm kiếm việc làm ở môi trường sống mới, lao động nhập cư nghèo đã sử dụng nhiều mối quan hệ xã hội, song chủ yếu vẫn là tự thân hoặc dựa vào các mối quan hệ với anh em, họ hàng, người thân quen, rất ít khi dựa vào các thiết chế chính thức. Khác với các nhóm xã hội khác, về cơ bản họ chỉ sử dụng mạng lưới xã hội kiểu truyền thống và rất ít sử dụng mạng lưới xã hội kiểu hiện đại. Do vậy, họ khó có cơ hội tìm kiếm được việc làm có thu nhập tốt hơn để có thể hòa nhập vào cuộc sống đô thị hiện đại.

Trong quan hệ giao tiếp hàng ngày, một yếu tố quan trọng trong hòa nhập cộng đồng, lao động nhập cư nghèo cũng thường sử dụng mạng lưới xã hội bị bó hẹp trong các quan hệ với người thân quen và nhất là với những người cùng hoàn cảnh; họ dường như không giao tiếp hoặc hạn chế các giao tiếp với các cơ quan chính quyền, đoàn thể địa phương nơi sinh sống. Mạng lưới xã hội kiểu hiện đại dường như ít được chú ý trong lĩnh vực này.

Trong quá trình hòa nhập vào môi trường sống mới, khi gặp các khó khăn, lao động nhập cư nghèo cũng chỉ hướng đến mạng lưới xã hội kiểu truyền thống, rất ít khi tìm đến, hoặc nhờ cậy mạng lưới xã hội của các mối quan hệ có tính thiết chế, mà có thể trợ giúp cho họ một cách hiệu quả hơn trong giải quyết các khó khăn, trở ngại của quá trình hòa nhập.

Ngay với các hoạt động giải trí trong thời gian nhàn rỗi, lao động nhập cư nghèo cũng thường lựa chọn các hoạt động trong mạng lưới xã hội của các mối quan hệ với những người đồng cảnh; mạng lưới xã hội kiểu hiện đại cũng đã được quan tâm ít nhiều, song dường như chỉ giới hạn trong mối quan hệ với các phương tiện truyền thông.

Sử dụng mạng lưới xã hội là một phần của quá trình hòa nhập, việc thường xuyên sử dụng mạng lưới xã hội kiểu truyền thống trong hầu hết các hoạt động, các quan hệ xã hội ở môi trường sống mới cho thấy lao động nhập cư nghèo còn gặp rất nhiều khó khăn, trở ngại trong quá trình hòa nhập, ổn định cuộc sống tại các đô thị lớn.

Khuyến nghị

Từ những kết luận trên, nghiên cứu đưa ra một số khuyến nghị về các chính sách nhằm thúc đẩy quá trình hòa nhập của người lao động di cư nghèo ở các đô thị trên một số khía cạnh: tạo dựng mạng lưới dịch vụ xã hội cung cấp thông tin việc làm, trợ giúp xã hội - pháp lý cho người di cư từ cộng đồng địa phương, lồng ghép vào các mô hình/trung tâm công tác xã hội hiện đang được triển khai từ Đề án 32 - phát triển công tác xã hội ở Việt Nam. Đồng thời, lồng ghép các chủ đề trợ giúp người di cư nghèo ở các đô thị lớn trong các mô hình dịch vụ công tác xã hội; thiết lập các mô hình trợ giúp cá nhân/nhóm, đặc biệt với xu hướng người di cư co cụm theo mạng lưới cá nhân, việc có được các mô hình trợ giúp nhóm, đồng đẳng ở chính các cộng đồng người di cư sinh sống là xu hướng bền vững trong việc trợ giúp và hướng đến thúc đẩy hòa nhập xã hội cho nhóm đối tượng này hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1] Trần Văn Kham (2013), “Nghiên cứu về hoà nhập xã hội: Một số hàm ý cho Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học*, Đại học Quốc gia Hà Nội, **24(4)**, tr.236-246.
- [2] Andrew Mitchell Richard Shillington (2002), “Poverty, Inequality and Social Inclusion”, *The Laidlaw Foundation (Perspectives on social inclusion working paper series) Includes bibliographical references*, ISBN 0-9730740-6-X.
- [3] Diane Mulligan, Victoria Martin (2002), “Sightsavers, Disability and Social Inclusion: Questions and Answers”, Registered charity numbers 207544 & SC038110, <http://www.sightsavers.org>.
- [4] Lê Ngọc Hùng (2008), “Vốn xã hội, vốn con người và mạng lưới xã hội qua một số nghiên cứu ở Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu con người*, **4(37)**, tr.45-54.
- [5] Kollmair M, Gamper St (2002), “The Sustainable Livelihoods Approach”, *Input Paper for the Integrated Training Course of NCCR North-South Aeschiried, Switzerland*, Development Study Group, University of Zurich (IP6).
- [6] Lê Ngọc Hùng (2003), “Lý thuyết và phương pháp tiếp cận mạng lưới xã hội: Trường hợp tìm kiếm việc làm của sinh viên”, *Tạp chí Xã hội học*, **2(82)**, tr.67-75.
- [7] Đặng Nguyên Anh (1998), “Vai trò của mạng lưới xã hội trong quá trình di cư”, *Tạp chí Xã hội học*, **2(62)**, tr.8-19.